

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/HS-ST

Ngày: 26-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ngô Nguyễn Minh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hải

2. Ông Lê Xuân Hiếu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Minh T**, sinh năm 1979, tại Bình Dương. Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1943 (đã chết) và bà Trần Thị Q, sinh năm 1950; bị cáo có vợ tên Nguyễn Phạm Mỹ M, sinh năm 1980 và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Văn L – Luật sư thuộc Công ty luật TNHH MTV HITRUST- Đoàn luật sư tỉnh Bình Dương. Có mặt.

* Bị hại: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 07/01/2023, Đặng Minh T đến quán cà phê của bà Huỳnh Thị Ngọc H ở khu vực chợ mới M thuộc ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương để uống cà phê. Khi đến nơi, T gọi nước uống thì không thấy ai trả lời. Lúc này, T thấy 01 máy Ipad có ốp màu hồng đang để ở ghế, T quan sát không thấy có người nên đã lấy trộm máy Ipad có ốp màu hồng rồi bỏ về nhà T. Đến ngày 09/01/2023, bà H trình báo Công an xã M về việc bị mất máy Ipad. Do máy Ipad của bà H có cài đặt tính năng định vị nên Công an xã M, huyện D đã dò tìm theo định vị và phát hiện máy Ipad ở vị trí khu vực thị trấn D, huyện D. Công an xã M đã thu giữ máy Ipad và mời T về công an xã làm việc.

Bản kết luận định giá số 07/KL-HĐĐG ngày 07/3/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Dầu Tiếng (bút lục 29) kết luận:

- 01 (một) máy Ipad, số máy MHQR3ZA/A, số seri VG4WFQ2F4M, dung lượng 128GB đã qua sử dụng, trị giá 8.000.000 đồng;

- 01 (một) ốp lưng màu hồng, đã qua sử dụng, trị giá 40.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 8.040.000 đồng.

Xác định máy Ipad kèm ốp lưng nêu trên là tài sản hợp pháp của bà Huỳnh Thị Ngọc H, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà H theo Quyết định xử lý vật chứng số 06/QĐ- CSĐT ngày 15/3/2023 (bút lục 66).

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKSĐT ngày 23/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Đặng Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử: **Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo T từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù.**

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, tài sản bị chiếm đoạt là máy Ipad số máy MHQR3ZA/A, số seri VG4WFQ2F4M, dung lượng 128GB đã qua sử dụng và 01 (một) ốp lưng màu hồng đã được thu hồi và trả cho bị hại. Bà H đã nhận lại tài sản (bút lục 67) và không yêu cầu Đặng Minh T bồi thường thiệt hại gì.

Ý kiến tranh luận của Người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản truy tố. Tuy nhiên, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có đủ điều kiện tự cải tạo bản thân và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện cải tạo thành người công dân tốt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định, không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể:

Vào ngày 07/01/2023, tại ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 máy Ipad số máy MHQR3ZA/A, số seri VG4WFQ2F4M, dung lượng 128GB đã qua sử dụng và 01 (một) ốp lưng màu hồng, có tổng trị giá là 8.040.000 đồng của bị hại là bà Huỳnh Thị Ngọc H. Hành vi mà bị cáo thực hiện đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật và phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi, bị cáo vẫn bất chấp hậu quả thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

[4] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là các tội phạm xâm phạm sở hữu, cần xử lý nghiêm hành vi của bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố đến tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, công việc ổn định.

[5] Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Như đã nhận định ở trên, bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cần áp dụng Điều 65 cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách để bị cáo có điều kiện tự cải tạo thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là máy Ipad số máy MHQR3ZA/A, số seri VG4WFQ2F4M, dung lượng 128GB đã qua sử dụng và 01 (một) ốp lưng màu hồng. Ngày 15/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho bị hại là phù hợp quy định của pháp luật. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Xét ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo: Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo về phần tội danh, điều khoản truy tố và mức hình phạt là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng phần đề nghị áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NĐ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NĐ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Đặng Minh T 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 26/6/2023). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CQ CSĐT Công an H. Dầu Tiếng;
- CCTHA H. Dầu Tiếng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 CA tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Nguyễn Minh Sơn